

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ MẶT HÀNG NÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC TỈNH THÁI NGUYÊN

Kỳ điều tra: Tháng 6/2024

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên

[illegible]

TT	Tên hàng hoá điều tra	Loại	Đơn vị tính	Giá bán (nghìn đồng)									
				TP Thái Nguyên	Huyện Đồng Hỷ	Huyện Phú Lương	TP Sông Công	TP Phổ Yên	Huyện Phú Bình	Huyện Võ Nhai	Huyện Định Hoá	Huyện Đại Từ	Bình quân toàn tỉnh
1	Gà (hơi)												
	Gà lông màu hơi	Loại 1	Kg	72	65	55	76	78	79	77	67	65	70
	Gà trắng	Loại 1	Kg	44	31	29	33	31		42	37	43	36
2	Vịt (hơi)	Loại 1	Kg	49	49	44	52	38	55	68	47	42	49
V	Trứng												
1	Trứng gà trang trại	Loại 1	Chục quả	29	27	23	31	33	32	35	30	26	29
2	Trứng vịt	Loại 1	Chục quả	29	29	25	35	29	33	40	35	32	32
VI	Thủy sản												
1	Cá chép > 1kg	Loại 1	Kg	61	62	66	58	63	60	78	68	65	65
2	Cá trắm cỏ > 1kg	Loại 1	Kg	64	69	72	72	71	65	73	67	70	69
VII	Chè búp khô (chè móc câu)	Loại 1	Kg	227	237	243	353	227	170	123	177	167	214

Qua kết quả điều tra, đánh giá cho thấy:

- Giá trung bình gạo tẻ thường và gạo nếp không thay đổi so với tháng 5
- Giá trung bình các loại rau thay đổi không đáng kể so với tháng 5
- Giá trung bình thịt lợn mỡ sấn là 112 nghìn đồng, tăng 9,8% so với tháng 5. Trong đó cao nhất là huyện Đồng Hỷ và huyện Định Hoá (120 nghìn đồng), thấp nhất là TP. Thái Nguyên và TP. Sông Công (105 nghìn đồng)
- Giá trung bình các loại trứng gà trang trại, trứng vịt thay đổi không đáng kể.
- Giá trung bình cá chép, trắm cỏ tăng nhẹ.
- Giá chè búp khô trung bình 214 nghìn đồng thay đổi không đáng kể so với tháng 5. Trong đó giá chè cao nhất là TP. Sông Công (353 nghìn đồng) và thấp nhất là huyện Võ Nhai (123 nghìn đồng)

Thanh Vân - Tổng hợp